



Số: 16 /2015/QĐ-HĐQT

Hà Nội, ngày 26 tháng 5 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành “Quy chế Tổ chức hoạt động đào tạo”

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106684712, đăng ký lần đầu, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 07-11-2014 của Công ty CP Đầu tư TNG Holdings Việt Nam (“TNG”);
- Căn cứ Biên bản tổng hợp ý kiến thành viên HĐQT số 16 /2015/BB-HĐQT ngày 26 - 5 -2015 của các thành viên HĐQT;
- Để đáp ứng tình hình công việc thực tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế Tổ chức hoạt động đào tạo” của Công ty CP Đầu tư TNG Holdings Việt Nam.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Tổng Giám đốc TNG có trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn áp dụng Quy chế này trong toàn Hệ thống.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, yêu cầu các đơn vị báo cáo Tổng Giám đốc TNG để xem xét, giải quyết.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 - 5 -2015. Tổng Giám đốc TNG, Lãnh đạo các Phòng/Ban nghiệp vụ, Lãnh đạo các Công ty con/Công ty liên kết/các Đơn vị thành viên, Giám đốc Nhân sự, Chánh Văn phòng, các đơn vị và cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

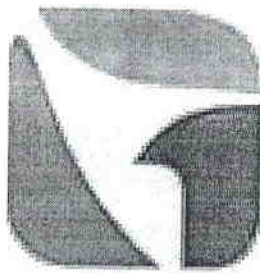
- TV HĐQT, BKS (để b/c);
- Như Điều 3;
- MT.VBNS;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Nguyệt Hương



TNG HOLDINGS



QUY CHẾ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO



SỐ: QC.

LẦN BAN HÀNH: 01 - HÀ NỘI 2015

14/11/2015 09:10:11

MỤC LỤC

| | |
|--|----|
| Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG | 4 |
| Điều 1. Mục đích..... | 4 |
| Điều 2. Đối tượng và phạm vi áp dụng..... | 4 |
| Điều 3. Giải thích từ ngữ và thuật ngữ viết tắt..... | 4 |
| Chương II QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO | 6 |
| Điều 4. Kế hoạch và ngân sách đào tạo..... | 6 |
| Điều 5. Trách nhiệm của các Đơn vị..... | 6 |
| Chương III GIẢNG VIÊN ĐÀO TẠO | 7 |
| Điều 6. Giảng viên..... | 7 |
| Điều 7. Tiêu chuẩn của Giảng viên | 8 |
| Điều 8. Quyền lợi và nghĩa vụ của Giảng viên..... | 8 |
| Chương IV CÁN BỘ NHÂN VIÊN THAM GIA ĐÀO TẠO | 9 |
| Điều 9. Quyền lợi của CBNV | 9 |
| Điều 10. Trách nhiệm của CBNV | 9 |
| Điều 11. Chứng nhận đào tạo | 10 |
| Chương V HỢP ĐỒNG ĐÀO TẠO | 10 |
| Điều 12. Hợp đồng Đào tạo..... | 10 |
| Điều 13. Chi phí đào tạo..... | 11 |
| Điều 14. Nguyên tắc xác định Mức cam kết bồi hoàn..... | 12 |
| Điều 15. Thời gian cam kết làm việc sau đào tạo..... | 12 |
| Chương VI BỒI HOÀN CHI PHÍ ĐÀO TẠO | 13 |
| Điều 16. Các trường hợp bồi hoàn chi phí đào tạo..... | 13 |
| Điều 17. Các trường hợp miễn, giảm mức bồi hoàn chi phí đào tạo..... | 14 |
| Điều 18. Thực hiện bồi hoàn chi phí đào tạo | 15 |
| Chương VII NỘI QUY LỚP HỌC, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT | 15 |
| Điều 19. Nội quy lớp học..... | 15 |
| Điều 20. Khen thưởng..... | 16 |
| Điều 21. Kỷ luật..... | 16 |
| Chương VIII HIỆU LỰC THI HÀNH | 16 |
| Điều 22. Sửa đổi, bổ sung và hiệu lực thực hiện | 16 |

11.01.2018

QUY CHẾ

Tổ chức hoạt động đào tạo

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Bộ luật Lao động năm 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106684712, đăng ký lần đầu, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà nội cấp ngày 07-11-2014 của Công ty CP Đầu tư TNG Holdings Việt Nam (TNG Holdings Group);
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐQT về việc phê duyệt cơ cấu tổ chức bộ máy của TNG Holdings Group ngày 01-01-2015 của HĐQT;
- Căn cứ Biên bản tổng hợp ý kiến thành viên HĐQT số 16.../2015/BB-HĐQT, ngày 26...-5-2015 của các Thành viên HĐQT về Quy chế đào tạo;
- Theo đề nghị của Tổng Giám đốc,

QUY ĐỊNH:

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

1. Đẩy mạnh hoạt động đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ cán bộ nhân viên vững vàng về nghiệp vụ, chuyên nghiệp về kỹ năng, có đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng được các yêu cầu công việc ở các vị trí công tác tại Công ty Cổ phần Đầu tư TNG Holdings Việt Nam (“TNG Holdings”).
2. Đào tạo đúng đối tượng, đúng nhu cầu và định hướng phát triển của TNG Holdings trong từng giai đoạn. Khuyến khích và tạo điều kiện cho các CBNV tham gia các chương trình đào tạo có chất lượng, gắn liền với thực tế công việc.
3. Sử dụng có hiệu quả nhất nguồn kinh phí đào tạo và phát triển nhân sự của TNG Holdings.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Quy chế này điều chỉnh việc tổ chức và triển khai công tác đào tạo trong TNG Holdings.
2. Quy chế này áp dụng đối với tất cả các đơn vị, CBNV trong TNG Holdings.
3. Đối với Người lao động làm việc tại TNG Holdings theo hợp đồng cung ứng, hợp đồng khoán việc giữa TNG Holdings và Đơn vị cung cấp dịch vụ, Quy chế này là cơ sở để xây dựng văn bản thỏa thuận giữa Người lao động và Đơn vị cung cấp dịch vụ liên quan tới hoạt động đào tạo do TNG Holdings tổ chức hoặc TNG Holdings thanh toán chi phí đào tạo.

Điều 3. Giải thích từ ngữ và thuật ngữ viết tắt.

1. TNG Holdings: Là Công ty Cổ phần Đầu tư TNG Holdings Việt nam.

2. HĐQT: Là Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư TNG Holdings Việt nam.
3. M-Talent: Là Công ty Cổ phần Quản trị Nguồn nhân lực M-Talent.
4. TTĐT: Là Trung tâm Đào tạo và Phát triển Nguồn nhân lực thuộc M-Talent.
5. Đơn vị: Là Phòng/Ban/Trung tâm thuộc TNG Holdings, các Công ty con, Công ty thành viên của TNG Holdings.
6. Cán bộ Nhân viên (CBNV): Là Người Lao động tại các Đơn vị theo hợp đồng thử việc, hợp đồng lao động xác định thời hạn và hợp đồng lao động không xác định thời hạn với TNG Holdings.
7. Học viên: Là CBNV của TNG Holdings tham gia học tập trong các khóa đào tạo.
8. Khóa đào tạo: Là hoạt động đào tạo bao gồm một hoặc một số môn học được thiết kế nhằm đào tạo một hoặc một số chuyên môn, kỹ năng cho Học viên trong một thời gian nhất định. Bao gồm:
 - a) Khóa đào tạo nội bộ: Là khóa học do M-Talent là đầu mối tổ chức thực hiện với đội ngũ giảng viên kiêm chức là cán bộ của TNG Holdings;
 - b) Khóa đào tạo thuê ngoài: Là khóa học do các tổ chức, cá nhân bên ngoài thực hiện theo Hợp đồng đào tạo với M-Talent, hoặc được M-Talent lựa chọn, tư vấn đề cử cán bộ TNG Holdings tham gia.
9. Hợp đồng Đào tạo: Là văn bản thỏa thuận giữa TNG Holdings và từng CBNV nhằm đảm bảo thực hiện quyền và nghĩa vụ của các bên khi CBNV được tham gia khóa đào tạo do TNG Holdings tổ chức hoặc TNG Holdings thanh toán chi phí.
10. Chương trình đào tạo bắt buộc: Là chương trình đào tạo mà CBNV bắt buộc phải tham gia căn cứ theo yêu cầu và tính chất công việc nhằm đảm bảo CBNV có đầy đủ kiến thức, nghiệp vụ và kỹ năng cần thiết để hoàn thành công việc tại TNG Holdings. Chương trình đào tạo bắt buộc được thông báo cụ thể theo từng khóa đào tạo.
11. Chi phí đào tạo: Là toàn bộ chi phí thực tế mà TNG Holdings phải chi trả cho việc xây dựng, tổ chức, triển khai các khóa đào tạo và các chi phí chi trả cho CBNV phục vụ cho hoạt động đào tạo.
12. Mức cam kết bồi hoàn: Là mức chi phí mà CBNV phải cam kết bồi hoàn cho TNG Holdings trong trường hợp CBNV vi phạm quy định tại Quy chế này. Mức cam kết bồi hoàn là cơ sở để xác định Thời gian cam kết làm việc sau đào tạo của CBNV.
13. Chi phí bồi hoàn: Là chi phí thực tế mà CBNV phải bồi hoàn cho TNG Holdings khi CBNV vi phạm quy định của quy chế này.
14. Thâm niên công tác: Là số năm làm việc liên tục không gián đoạn của CBNV tại TNG Holdings, các công ty tiền thân của TNG Holdings và các công ty thành viên tính đến thời điểm tham gia đào tạo.
15. Cấp bậc cán bộ quy định tại Quy chế này là cấp bậc của CBNV tại thời điểm bắt đầu tham gia các khóa đào tạo, theo đó: N là cấp bậc cán bộ theo Hệ thống chức danh cấp bậc tại TNG Holdings và/hoặc được phiên ngang sang cấp bậc cán bộ tại các Tổng công ty/ Công ty thành viên trong từng thời kỳ.

16. Lý do chính đáng quy định tại của Quy chế này bao gồm các trường hợp:

- a) Thời gian đào tạo trùng với thời gian CBNV nghỉ việc riêng theo quy định tại Nội quy Lao động;
- b) Thiên tai, hoả hoạn có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi xảy ra sự việc;
- c) Bản thân CBNV bị ốm đau, tai nạn có xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền;
- d) Thân nhân CBNV bị ốm đau, tai nạn trong trường hợp cấp cứu, bệnh hiểm nghèo và có xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền. Thân nhân bao gồm các đối tượng được quy định trong Nội quy Lao động của TNG Holdings.
- e) CBNV đang trong hoàn cảnh khó khăn được Lãnh đạo quản lý trực tiếp CBNV xác nhận bao gồm các trường hợp quy định tại Nội quy Lao động của TNG Holdings.

Chương II

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Điều 4. Kế hoạch và ngân sách đào tạo

1. Căn cứ vào định hướng hoạt động hằng năm, tình hình tài chính và nhu cầu phát triển nhân sự, Giám đốc Nhân sự TNG Holdings phối hợp cùng Ban Tài chính Kế hoạch xây dựng kế hoạch đào tạo và phương án phân bổ ngân sách cho hoạt động đào tạo hằng năm để trình Tổng Giám đốc và Chủ tịch HĐQT xem xét, phê duyệt.
2. Căn cứ trên kế hoạch và ngân sách hằng năm được duyệt, TTĐT xây dựng kế hoạch triển khai trình Tổng giám đốc.
3. Kế hoạch và ngân sách cho các khóa đào tạo tại nước ngoài do Chủ tịch HĐQT quyết định.

Điều 5. Trách nhiệm của các Đơn vị

1. Trách nhiệm của Giám đốc Nhân sự TNG Holdings:
 - a) Là đầu mối phối hợp xây dựng khung đào tạo phù hợp cho các nhóm chức danh cũng như lộ trình quy hoạch cán bộ trình cấp thẩm quyền phê duyệt.
 - b) Phối hợp với các đơn vị trong việc lựa chọn danh sách học viên phù hợp để cử tham dự các khóa đào tạo nội bộ và thuê ngoài.
 - c) Tổ chức, chỉ đạo và giám sát các công tác của TTĐT bao gồm:
 - Tiếp nhận, phân tích và xác định nhu cầu đào tạo của CBNV và các đơn vị trong TNG Holdings.
 - Tổ chức đánh giá và lựa chọn Giảng viên nội bộ, cũng như các đối tác cung cấp dịch vụ đào tạo, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt triển khai.
 - Tổng hợp, phân tích chất lượng và hiệu quả các chương trình đào tạo đã được thực hiện và đề xuất hiệu chỉnh, nếu thấy cần thiết.
 - Rà soát và đề xuất, tham mưu phương án nâng cao chất lượng đào tạo đối

với các khóa đào tạo nội bộ và khóa đào tạo bên ngoài.

- Quản lý hồ sơ, tài liệu, quá trình tham dự đào tạo của CBNV và tham gia giảng dạy của Giảng viên;
 - Xây dựng kế hoạch, kinh phí đào tạo cho từng khóa học, trình cấp có thẩm quyền xem xét và phê duyệt theo quy định.
 - Kiểm tra và giám sát việc tham gia đào tạo của CBNV;
 - Xác nhận thời gian tham gia giảng dạy và tham dự đào tạo của CBNV, phục vụ công tác thanh toán chi phí;
 - Thông báo danh sách CBNV được cử đi đào tạo và danh sách kết quả đào tạo, chi phí đào tạo cho học viên tham dự, các đơn vị có liên quan, đơn vị quản lý người lao động.
 - Theo dõi việc thực hiện các cam kết đào tạo của CBNV;
 - Xác nhận chi phí đào tạo cần bồi hoàn khi CBNV chấm dứt hợp đồng lao động.
2. Trách nhiệm của Trưởng các Đơn vị:
- a) Đăng ký kế hoạch đào tạo hàng năm, đề xuất các khóa đào tạo theo nhu cầu thực tế và phù hợp với kế hoạch hoạt động của Đơn vị;
 - b) Đề xuất cán bộ nhân viên tham gia các khóa đào tạo;
 - c) Thông báo, đơn đốc và tạo điều kiện tối đa để CBNV tham dự đầy đủ các khóa đào tạo;
 - d) Bố trí cán bộ thay thế đảm nhiệm phần việc của CBNV tham gia đào tạo và giảng dạy;
 - e) Đề xuất CBNV có năng lực trong Đơn vị tham gia công tác giảng dạy để phục vụ cho công tác đào tạo của Đơn vị mình cũng như của TNG Holdings;
 - f) Phối hợp với Giám đốc Nhân sự TNG Holdings và TTĐT đánh giá hiệu quả đào tạo, khả năng ứng dụng kiến thức đã học vào thực tế thông qua việc đánh giá kết quả thực hiện công việc của CBNV sau thời gian đào tạo.
 - g) Quản lý thông tin, hồ sơ, tài liệu và quá trình tham gia đào tạo của CBNV trong đơn vị mình làm cơ sở để sắp xếp bố trí công tác và đề bạt cán bộ khi cần thiết.

Chương III

GIẢNG VIÊN ĐÀO TẠO

Điều 6. Giảng viên

Giảng viên tham gia giảng dạy cho các khóa đào tạo của TNG Holdings gồm Giảng viên nội bộ, Giảng viên chuyên trách tại M-Talent và Giảng viên thuê ngoài.

1. Giảng viên nội bộ: Là những CBNV hiện đang làm việc tại TNG Holdings, có năng lực chuyên môn nghiệp vụ, khả năng giảng dạy và được mời tham gia công tác giảng dạy.
2. Giảng viên chuyên trách: Là Giảng viên thuộc biên chế của TTĐT;
3. Giảng viên thuê ngoài: Là các Giảng viên/ chuyên gia đang thực hiện các công tác

chuyên môn, giảng dạy, đào tạo ở các cơ quan, tổ chức bên ngoài thuộc các lĩnh vực có liên quan, được M-Talent ký hợp đồng cộng tác để giảng dạy cho các khóa đào tạo của TNG Holdings.

Điều 7. Tiêu chuẩn của Giảng viên

1. Đối với Giảng viên nội bộ:
 - a) Có trình độ từ đại học trở lên, ưu tiên những người có trình độ trên đại học;
 - b) Có kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực được mời tham gia giảng dạy;
 - c) Có kinh nghiệm thực tế trong lĩnh vực giảng dạy tối thiểu là 12 tháng (hoặc đã được TTĐT thẩm định);
 - d) Có phẩm chất đạo đức tốt, có khả năng giảng dạy, thuyết trình;
 - e) Sử dụng thành thạo các phần mềm ứng dụng và phương tiện phục vụ công tác giảng dạy liên quan.
2. Đối với Giảng viên thuê ngoài: Giám đốc Nhân sự TNG Holdings chịu trách nhiệm chỉ đạo TTĐT thu thập các thông tin và đánh giá năng lực của đơn vị đối tác và Giảng viên thuê ngoài để trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt.
3. Đối với Giảng viên chuyên trách: TTĐT có trách nhiệm tuyển chọn, huấn luyện và đào tạo để đáp ứng với yêu cầu của các khóa đào tạo tại TNG Holdings.

Điều 8. Quyền lợi và nghĩa vụ của Giảng viên

1. Quyền lợi và nghĩa vụ của Giảng viên nội bộ:
 - a) Quyền lợi:
 - Được cấp quản lý trực tiếp tạo điều kiện thuận lợi để có thể hoàn thành công tác chuyên môn và công tác giảng dạy tại các khóa đào tạo của TNG Holdings;
 - Được hưởng nguyên lương, thưởng, tiền ăn ca, các khoản phụ cấp, tiền tàu xe, lưu trú, công tác phí,... theo quy định của TNG Holdings trong suốt thời gian tham gia giảng dạy;
 - Được hưởng các khoản phụ cấp giảng dạy, chế độ bồi dưỡng Giảng viên nội bộ theo đúng các quy định của TNG Holdings;
 - Được TNG Holdings ưu tiên cử tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ nâng cao, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng giảng dạy... do các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước đào tạo.
 - b) Nghĩa vụ:
 - Tuân thủ theo sự điều động tham gia giảng dạy của lãnh đạo Đơn vị và Giám đốc Nhân sự TNG Holdings.
 - Giảng dạy theo đúng mục đích, chương trình, kế hoạch đào tạo của TNG Holdings. Bài giảng phải đảm bảo chất lượng, thời lượng, phù hợp với thực tế; giúp học viên dễ hiểu, dễ thực hành;
 - Không ngừng học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ để

làm tốt công tác chuyên môn và giảng dạy. Tham gia đầy đủ các buổi họp chuyên đề do TTĐT tổ chức để rút kinh nghiệm về phương pháp và nội dung giảng dạy.

- Không tự ý bỏ giờ giảng, rút ngắn thời gian giảng dạy. Trường hợp cần thay đổi lịch giảng dạy phải thông báo cho TTĐT trước ít nhất 36 giờ để bố trí người thay thế và chỉ được thay đổi lịch giảng dạy khi đã được TTĐT chấp thuận;
- Trước giờ lên lớp phải hoàn tất việc bàn giao hoặc ủy quyền giải quyết công việc tại đơn vị;
- Khi kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, thi cử của học viên phải đảm bảo khách quan, trung thực, tránh các biểu hiện tiêu cực, gian dối;
- Phối hợp cùng TTĐT quản lý, theo dõi việc chấp hành nội quy, kỷ luật của học viên.

2. Quyền lợi và nghĩa vụ của Giảng viên thuê ngoài:

a) Quyền lợi:

- Được hưởng đầy đủ thù lao theo hợp đồng cộng tác giảng dạy do M-Talent chi trả;
- Được cung cấp các thông tin về thời gian, địa điểm, số lượng học viên và nội dung đào tạo.

b) Nghĩa vụ:

- Chuẩn bị bài giảng và các tài liệu giảng dạy khác theo yêu cầu của TNG Holdings và TTĐT;
- Giữ bí mật tuyệt đối về những thông tin, tài liệu, nội dung khác có liên quan đến TNG Holdings mà Giảng viên có được do thực hiện hợp đồng cộng tác giảng dạy.
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận trong hợp đồng cộng tác giảng dạy.

Chương IV

CÁN BỘ NHÂN VIÊN THAM GIA ĐÀO TẠO

Điều 9. Quyền lợi của CBNV

1. Được tạo điều kiện thuận lợi để tham dự các khóa đào tạo.
2. Được hưởng các ưu đãi được quy định cụ thể trong Hợp đồng Đào tạo;
3. Được cấp chứng chỉ (nếu có)/ chứng nhận đào tạo khi tham gia đầy đủ, chấp hành nội quy đào tạo và thi đạt các bài kiểm tra cuối khóa đào tạo.

Điều 10. Trách nhiệm của CBNV

1. Ký kết Hợp đồng Đào tạo với TNG Holdings và nghiêm túc tuân thủ các thỏa thuận quy định trong Hợp đồng Đào tạo.
2. Tham gia đầy đủ, nghiêm túc khóa đào tạo theo quyết định của cấp có thẩm quyền.
3. Trong trường hợp không tham gia khóa đào tạo thì phải thông báo đến TTĐT tối thiểu 02 ngày trước khi khóa học được tổ chức.

4. Đối với CBNV tham gia chương trình đào tạo hội nhập và các chương trình đào tạo bắt buộc:
 - a) CBNV có nghĩa vụ hoàn thành và đạt điểm yêu cầu trong các học phần và đạt điểm yêu cầu trong bài kiểm tra cuối khóa (nếu có);
 - b) Nếu không hoàn thành và không đạt yêu cầu các bài kiểm tra cuối khóa (nếu có) của chương trình đào tạo hội nhập và các chương trình đào tạo bắt buộc, học viên có trách nhiệm:
 - Học lại hoặc kiểm tra lại;
 - Việc kiểm tra lại chỉ được thực hiện tối đa 02 lần trong 01 khóa đào tạo. Nếu kết quả kiểm tra lại xếp loại không đạt thì tiến hành học lại;
 - Việc học lại hoặc kiểm tra lại một phần hoặc toàn bộ chương trình đào tạo do Cấp có thẩm quyền quyết định với từng trường hợp cụ thể căn cứ vào kết quả kiểm tra lần trước liền kề, ý thức chấp hành nội quy đào tạo và ý kiến của TTĐT;
5. Bàn giao lại các công việc đang thực hiện cho đơn vị trước khi tham gia khóa đào tạo, đảm bảo không ảnh hưởng đến công việc của đơn vị chủ quản.
6. Tuân thủ Quy chế đào tạo và mọi nội quy, quy định của từng khóa học.
7. Không tiết lộ, chia sẻ tài liệu, kiến thức, kỹ năng đã được đào tạo ra ngoài Tập đoàn.
8. Có trách nhiệm hoàn tất và gửi bảng đánh giá chất lượng đào tạo của khóa học cho TTĐT.
9. Bồi hoàn lại các chi phí đào tạo khi phát sinh các trường hợp quy định tại Khoản 1, Điều 16 Quy chế này.

Điều 11. Chứng nhận đào tạo

1. Học viên tham gia đầy đủ khóa đào tạo và xếp loại “Đạt” sẽ được chứng nhận “Hoàn thành khóa học” và cấp chứng chỉ đào tạo (nếu có).
2. Chứng nhận “Hoàn thành khóa học” được lưu trong hồ sơ nhân sự và là một trong những cơ sở để xét bổ nhiệm, quy hoạch nhân sự của CBNV.
3. Trong trường hợp bổ nhiệm một số vị trí yêu cầu bắt buộc phải có chứng nhận đào tạo, nếu cán bộ không có chứng nhận “Hoàn thành khóa học” theo yêu cầu của vị trí đó sẽ không được xem xét quy hoạch phát triển cán bộ và bổ nhiệm vào chức danh công việc mới.

Chương V

HỢP ĐỒNG ĐÀO TẠO

Điều 12. Hợp đồng Đào tạo

1. Hợp đồng Đào tạo quy định và điều chỉnh các vấn đề liên quan tới hoạt động đào tạo, quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ của TNG Holdings và CBNV khi CBNV tham gia các khóa đào tạo do TNG Holdings tổ chức và/hoặc do TNG Holdings thanh toán chi phí đào tạo.
2. Hợp đồng Đào tạo áp dụng cho toàn bộ CBNV trong toàn TNG Holdings và được

chia theo các cấp:

- a) Hợp đồng Đào tạo áp dụng đối với CBNV có cấp bậc từ N2 hoặc tương đương trở lên (theo mẫu tại Phụ lục 01 của Quy chế này);
 - b) Hợp đồng Đào tạo áp dụng đối với CBNV có cấp bậc từ N3 hoặc tương đương trở xuống (theo mẫu tại Phụ lục 02 của Quy chế này).
3. Các nội dung chính của Hợp đồng Đào tạo:
- a) Nội dung, hình thức đào tạo;
 - b) Địa điểm, thời gian đào tạo;
 - c) Nguyên tắc xác định Chi phí đào tạo;
 - d) Nguyên tắc xác định Mức cam kết bồi hoàn;
 - e) Thời gian cam kết làm việc sau đào tạo;
 - f) Trách nhiệm Bồi hoàn chi phí đào tạo;
 - g) Chấm dứt Hợp đồng Đào tạo;
 - h) Quyền và nghĩa vụ của TNG Holdings và CBNV;
 - i) Thỏa thuận các thay đổi trong quá trình thực hiện Hợp đồng Đào tạo;
 - j) Giá trị pháp lý của Hợp đồng trong trường hợp thay đổi cấp bậc cán bộ.

Điều 13. Chi phí đào tạo

1. Chi phí đào tạo đối với các khóa đào tạo, bao gồm:
 - a) Chi phí liên quan trực tiếp đến khóa đào tạo bao gồm: chi phí cho Giảng viên, tài liệu đào tạo; chi phí cho địa điểm đào tạo, chi phí cho máy móc, thiết bị phục vụ giảng dạy, vật liệu thực hành chi phí nước uống, ăn nhẹ giữa giờ của buổi đào tạo; chi phí quản lý đào tạo; chi phí xây dựng chương trình; chi phí thuê đối tác tổ chức đào tạo và các chi phí liên quan đến đào tạo khác.
 - b) Một phần tổng thu nhập, BHXH, BHYT do TNG Holdings chi trả cho CBNV trong những ngày CBNV tham dự khóa đào tạo (*vào ngày làm việc theo quy định của TNG Holdings*) căn cứ trên cấp bậc cán bộ của CBNV tại thời điểm tham gia đào tạo. Cụ thể các mức sẽ được quy định tại Hợp đồng đào tạo hoặc các văn bản điều chỉnh liên quan.
2. Trong trường hợp CBNV được cử đi tham gia đào tạo ở nước ngoài và/hoặc tham gia đào tạo ở bên ngoài, do các đối tác của TNG Holdings tổ chức thì ngoài các chi phí được nêu ở Khoản 1 Điều này, còn bao gồm chi phí đi lại, lưu trú, ... và các chi phí liên quan khác. Trường hợp CBNV được cử đi đào tạo trong nước, nước ngoài và kết hợp công tác thì chi phí công tác sẽ được tách khỏi chi phí đào tạo.
3. Chứng từ chứng minh phát sinh chi phí đào tạo
Chi phí đào tạo sẽ được ghi nhận khi CBNV tham dự khóa học do TNG Holdings tổ chức, hoặc TNG Holdings chi trả tiền, hoặc do đối tác của TNG Holdings mời. Chứng từ chứng minh là bất kỳ tài liệu nào thể hiện CBNV đã tham dự khóa học, bao gồm nhưng không giới hạn: xác nhận tham dự của CBNV bằng thư điện tử

(email), bằng văn bản; chữ ký trong hồ sơ khóa học; chứng từ thanh toán liên quan; Quyết định cử đi học; Tờ trình đã được phê duyệt, Bảng lương, bảng chấm công....

Điều 14. Nguyên tắc xác định Mức cam kết bồi hoàn

1. Chi phí đào tạo Hội nhập và Định hướng, chi phí đào tạo do thay đổi cơ cấu và công nghệ mà ảnh hưởng đến việc làm của CBNV theo quy định của pháp luật sẽ do TNG Holdings tài trợ toàn bộ. CBNV không phải cam kết bồi hoàn chi phí đối với các khóa đào tạo này.
2. Đối với các khóa đào tạo kiến thức cơ bản về sản phẩm dịch vụ, đào tạo nghiệp vụ cơ bản phục vụ công việc, Mức cam kết bồi hoàn được tính bằng 50% Chi phí đào tạo của khóa học đó.
3. Đối với tất cả các khóa đào tạo (bao gồm các khóa đào tạo kiến thức cơ bản về sản phẩm dịch vụ, đào tạo nghiệp vụ cơ bản phục vụ công việc quy định tại Khoản 2 Điều này), thâm niên công tác là yếu tố miễn giảm một phần chi phí mà CBNV phải cam kết, cụ thể như sau:
 - a) Thâm niên từ 3 năm đến dưới 6 năm: Chi phí trực tiếp liên quan đến khóa đào tạo được giảm 20%.
 - b) Thâm niên từ 6 năm đến dưới 10 năm: Chi phí trực tiếp liên quan đến khóa đào tạo được giảm 30%.
 - c) Thâm niên từ 10 năm trở lên: Chi phí trực tiếp liên quan đến khóa đào tạo được giảm 50%.
4. Các trường hợp xem xét miễn, giảm chi phí đào tạo khác (nếu có) cho CBNV sẽ được quyết định bởi cấp có thẩm quyền của TNG Holdings trong từng trường hợp cụ thể.

Điều 15. Thời gian cam kết làm việc sau đào tạo

1. Nguyên tắc xác định thời gian cam kết làm việc.
 - a) Thời gian cam kết làm việc của CBNV cho TNG Holdings được xác định dựa trên căn cứ: Mức cam kết bồi hoàn và Cấp bậc cán bộ của CBNV quy định tại các Phụ lục của Hợp đồng Đào tạo theo mẫu tại Phụ lục 01 và Phụ lục 02 của Quy chế này.
 - b) Nếu mức cam kết bồi hoàn thấp hơn mức tối thiểu phải cam kết đối với từng cấp bậc cán bộ quy định tại các Phụ lục của Hợp đồng Đào tạo theo mẫu tại Phụ lục 01 và Phụ lục 02 của Quy chế này thì sẽ được bảo lưu để cộng dồn. Thời gian bảo lưu để cộng dồn chi phí đối với các khóa đào tạo này tối đa trong vòng 6 tháng. Nghĩa vụ cam kết bồi hoàn sẽ phát sinh ngay khi chi phí cộng dồn đạt mốc phải cam kết.
 - c) Thời điểm bắt đầu tính “Thời gian làm việc theo cam kết” được xác định như sau:
 - Đối với khóa đào tạo có Mức cam kết bồi hoàn tính cho mỗi học viên trong một (1) khóa học nếu đạt mốc cam kết thì thời gian làm việc theo cam kết được tính từ ngày kết thúc khóa học.

- Đối với các khóa đào tạo được bảo lưu để cộng dồn, thời gian làm việc theo cam kết được tính từ ngày kết thúc khóa học cuối cùng mà chi phí cộng dồn đạt mốc phải cam kết.

2. Thời gian cam kết làm việc

- a) CBNV cam kết làm việc cho TNG Holdings và các đơn vị thành viên không gián đoạn kể từ ngày kết thúc khóa đào tạo trong khoảng thời gian được quy định tại các Phụ lục của Hợp đồng Đào tạo theo mẫu tại Phụ lục 01 và Phụ lục 02 của Quy chế này, trừ các trường hợp được miễn, giảm theo sự phê duyệt của cấp có thẩm quyền của Tập đoàn.
- b) Đối với các khóa có chi phí cộng dồn, thời gian cam kết làm việc sẽ được tính ở mức tối thiểu theo cấp bậc tương ứng quy định tại các Phụ lục của Hợp đồng Đào tạo theo mẫu tại Phụ lục 01 và Phụ lục 02 của Quy chế này.
- c) Trong trường hợp Bên B bỏ và/hoặc không hoàn thành khóa đào tạo mà được hoặc không được Cấp có thẩm quyền của Bên A chấp thuận, Bên A đồng ý rằng Bên B không phải cam kết về thời gian làm việc đối với khóa đào tạo đó do Bên B không tiếp nhận và/hoặc tiếp nhận không đầy đủ các kiến thức/kỹ năng của khóa đào tạo.

Chương VI

BỒI HOÀN CHI PHÍ ĐÀO TẠO

Điều 16. Các trường hợp bồi hoàn chi phí đào tạo

- 1. CBNV có trách nhiệm phải hoàn chi phí đào tạo cho TNG Holdings nếu xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - a) CBNV bỏ khóa đào tạo và/hoặc không hoàn thành khóa đào tạo, trừ trường hợp được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền; hoặc
 - b) CBNV tự ý nghỉ việc/bỏ việc 05 ngày cộng dồn trong 01 tháng hoặc 20 ngày cộng dồn trong 01 năm mà không có lý do chính đáng; hoặc
 - c) CBNV không đồng ý tiếp tục ký hợp đồng lao động với TNG Holdings khi hợp đồng lao động hết hạn trước thời hạn làm việc theo cam kết; hoặc
 - d) CBNV đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và vi phạm thời gian cam kết làm việc sau đào tạo; hoặc
 - e) CBNV bị chấm dứt hợp đồng lao động do bị kỷ luật sai thái; hoặc
 - f) Các trường hợp vi phạm thỏa thuận khác (nếu có) về thời gian cam kết làm việc sau đào tạo.
- 2. Nguyên tắc hoàn trả chi phí đào tạo
 - a) Chi phí bồi hoàn được tính trên từng khóa đào tạo riêng biệt mà CBNV đã tham gia. Mức cam kết bồi hoàn, thời gian cam kết làm việc sau đào tạo và thời gian làm việc thực tế sau đào tạo đối với từng khóa đào tạo để xác định Chi phí bồi hoàn là hoàn toàn tách biệt.
 - b) Đối với trường hợp quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều này, CBNV có nghĩa vụ bồi hoàn ngay cho TNG Holdings 100% Chi phí đào tạo mà TNG Holdings

đã chi trả.

c) Đối với trường hợp quy định tại Điểm b, c, d, e, f Khoản 1, Điều này thì Chi phí bồi hoàn được tính như sau:

- Nếu thời gian làm việc thực tế của CBNV chưa đủ 30% thời gian cam kết làm việc sau đào tạo cho TNG Holdings thì Chi phí bồi hoàn tương đương 100% Mức cam kết bồi hoàn.
- Nếu thời gian làm việc thực tế của CBNV đã đủ 30% thời gian cam kết làm việc sau đào tạo cho TNG Holdings thì Chi phí bồi hoàn được khấu hao theo thời gian làm việc thực tế và được tính theo công thức sau:

$$\text{Chi phí bồi hoàn} = \frac{\text{Thời gian cam kết làm việc sau đào tạo} - \text{Thời gian làm việc thực tế sau đào tạo}}{\text{Thời gian cam kết làm việc}} \times \text{Mức cam kết bồi hoàn}$$

- Đối với các khóa đào tạo có chi phí cộng dồn, Chi phí bồi hoàn được xác định theo công thức trên.

d) Trong trường hợp CBNV tham gia các khóa đào tạo của TNG Holdings và được TNG Holdings yêu cầu sử dụng kiến thức từ các khóa đào tạo để đào tạo lại cho cán bộ, nhân viên của TNG Holdings (căn cứ trên khoá đào tạo thực tế được TNG Holdings phê duyệt tổ chức và CBNV có trực tiếp thực hiện giảng dạy), TNG Holdings sẽ ưu đãi miễn giảm Chi phí bồi hoàn cho CBNV theo nguyên tắc: CBNV xây dựng nội dung chương trình giảng dạy theo khóa đào tạo nào để đào tạo lại một hay nhiều khoá trong nội bộ của TNG Holdings sẽ được giảm trừ 20% Chi phí bồi hoàn đã xác định tại Điểm a, b, c Khoản 2 Điều này.

Điều 17. Các trường hợp miễn, giảm mức bồi hoàn chi phí đào tạo

Học viên thuộc các trường hợp sau được xem xét miễn, giảm Chi phí bồi hoàn:

1. Giảm Chi phí bồi hoàn:

- a) Học viên có vi phạm cam kết sau đào tạo, nhưng trong quá trình làm việc có các sáng kiến đem lại lợi ích cho TNG Holdings, có quyết định khen thưởng của HĐQT/ Tổng Giám đốc, có thể được xem xét giảm mức bồi hoàn do vi phạm cam kết;
- b) Các trường hợp giảm mức bồi hoàn khác tùy theo lý do và mức độ vi phạm cam kết sẽ do Tổng Giám đốc xem xét, quyết định trên cơ sở đề xuất của Giám đốc Nhân sự TNG Holdings và Lãnh đạo Đơn vị quản lý học viên đó.

2. Miễn bồi thường chi phí đào tạo:

- a) Học viên đang tham gia khóa đào tạo mà bị ốm đau, tai nạn không thể tiếp tục tham gia khóa đào tạo được, có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền;
- b) Học viên đang tham gia đào tạo phải thực hiện nghĩa vụ quân sự hoặc các nghĩa vụ công dân khác trước Nhà nước (có giấy xác nhận của chính quyền địa phương);
- c) Học viên đang tham gia khóa đào tạo nhưng lại được cử đi đào tạo theo chương trình khác theo yêu cầu của TNG Holdings;

- d) TNG Holdings chấm dứt khóa học trước hạn do thấy không cần thiết và không hiệu quả;
- e) Các trường hợp khác theo quyết định của Chủ tịch HĐQT (đối với các khóa học tại nước ngoài) hoặc Tổng Giám đốc (đối với tất các khóa học trong nước).

Điều 18. Thực hiện bồi hoàn chi phí đào tạo

1. TNG Holdings thu hồi Chi phí bồi hoàn mà CBNV phải chi trả từ các nguồn sau:
 - a) Các khoản thu nhập từ tiền lương và các khoản tiền khác do TNG Holdings chi trả, thanh toán cho CBNV;
 - b) Các khoản tiền trong tài khoản lương của CBNV;
 - c) Các khoản tiền trong tài khoản tiền gửi thanh toán, tài khoản tiền gửi tiết kiệm của CBNV mở tại các Tổ chức tín dụng (nếu có).
2. TTĐT có trách nhiệm thông báo cho CBNV về Chi phí bồi hoàn mà CBNV phải chịu.
3. Trường hợp các nguồn tài chính của CBNV nêu trên không đủ để thanh toán Chi phí bồi hoàn cho TNG Holdings và/hoặc TNG Holdings không thực hiện trích thu được từ các nguồn này, CBNV có trách nhiệm bồi hoàn trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu bồi hoàn từ TNG Holdings.

Chương VII

NỘI QUY LỚP HỌC, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 19. Nội quy lớp học

1. Học viên phải tham gia đầy đủ, nghiêm túc tất cả các buổi học theo chương trình đào tạo đã được phê duyệt.
2. Tham dự đầy đủ và nghiêm túc các kỳ thi, kiểm tra của chương trình đào tạo.
3. Trước mỗi tiết học, thi hoặc kiểm tra, học viên phải có mặt tại địa điểm học ít nhất trước 5 phút để hoàn thành các thủ tục theo yêu cầu của Giảng viên.
4. Trang phục lịch sự, văn minh.
5. Trong giờ học để điện thoại ở chế độ rung và không nghe điện thoại, không làm việc riêng trong lớp học.
6. Không hút thuốc và mang đồ ăn vào trong lớp học.
7. Tích cực tham gia các hoạt động của lớp và tuân thủ mọi hướng dẫn của Giảng viên.
8. Giữ gìn và bảo quản tốt phòng học và các trang thiết bị đào tạo trong quá trình sử dụng.
9. Vào lớp chậm 10 phút sẽ bị tính là đi học muộn 01 buổi học.
10. Đi học muộn 02 buổi sẽ bị tính là nghỉ học 01 buổi không có lý do chính đáng.
11. Trong một buổi học vắng mặt 30 phút trở lên sẽ bị coi như nghỉ học 01 buổi học không có lý do.
12. Nghỉ học không có lý do chính đáng quá 10% thời lượng của mỗi môn học sẽ không được dự thi cuối khóa của môn học đó.
13. Nghỉ học có lý do chính đáng quá 20% thời lượng của mỗi môn học sẽ không được

dự thi cuối khóa của môn học đó.

14. Điều kiện dự thi: Tham dự trên 80% thời lượng của từng môn học.

Điều 20. Khen thưởng

1. Đối với Giảng viên nội bộ: Hàng năm, trên cơ sở đề xuất của TTĐT, Giám đốc Nhân sự TNG Holdings sẽ bình xét và lựa chọn Giảng viên nội bộ xuất sắc tiêu biểu của năm và trình Hội đồng Thi đua Khen thưởng TNG Holdings xem xét. Hình thức và mức khen thưởng cụ thể do Hội đồng Thi đua Khen thưởng TNG Holdings quyết định. Ngoài ra, căn cứ vào số giờ giảng dạy trong các kỳ đánh giá, Giảng viên nội bộ được cộng điểm đánh giá như sau:
 - a) Nếu có số giờ giảng từ 7 giờ đến dưới 12 giờ/quý, được cộng 01 điểm thành tích trong kỳ đánh giá đó.
 - b) Nếu có số giờ giảng từ 12 đến dưới 16 giờ/quý, được cộng 02 điểm thành tích trong kỳ đánh giá đó.
 - c) Nếu có số giờ giảng từ 16 trở lên, được cộng 03 điểm thành tích trong kỳ đánh giá đó.
 - d) Nếu có số giờ giảng trên 50 giờ/năm trở lên, ngoài việc được cộng điểm trong các kỳ đánh giá còn được ưu tiên trong việc xét nâng bậc/ ngạch lương và ưu tiên xét quy hoạch và bổ nhiệm.
2. Đối với Học viên đã hoàn thành khóa học: Các học viên có thành tích xuất sắc trong quá trình tham gia đào tạo ở từng khóa học sẽ được xem xét cộng điểm trong các kỳ đánh giá.

Điều 21. Kỷ luật


1. Các học viên có nhiều sai phạm, khuyết điểm trong quá trình tham gia đào tạo, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định tại Thỏa ước lao động tập thể, Nội quy lao động, Quy chế Đào tạo và các văn bản khác của TNG Holdings. Nếu không hoàn thành khóa học, CBNV phải bồi hoàn toàn bộ Chi phí đào tạo cho TNG Holdings.
2. Trường hợp đơn vị hoặc cá nhân không thực hiện đúng quy định của quy chế này, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xem xét hình thức kỷ luật tương ứng.

Chương VIII

HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 22. Sửa đổi, bổ sung và hiệu lực thực hiện

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
2. Tổng Giám đốc có trách nhiệm hướng dẫn các Đơn vị trực thuộc TNG Holdings triển khai thực hiện Quy chế này; trong quá trình thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, Tổng Giám đốc tổng hợp và báo cáo Hội đồng Quản trị xem xét, quyết định.
3. Những vấn đề chưa được đề cập đến trong Quy chế này, sẽ được thực hiện theo các quy định có liên quan của Pháp luật và quy định khác của TNG Holdings. Khi có những nội dung nào trong Quy chế này trái với quy định của Pháp luật, thì nội dung đó đương nhiên hết hiệu lực.

4. Việc sửa đổi, bổ sung nội dung Chương V, Chương VI và các Phụ lục của Quy chế này do Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng Giám đốc theo ủy quyền của Chủ tịch HĐQT quyết định. Các sửa đổi, bổ sung khác hoặc thay thế Quy chế này do HĐQT quyết định.
5. Tổng Giám đốc, Lãnh đạo các Phòng, Ban, Trung tâm và các cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này. / 

Nơi nhận: 

- HĐQT, BKS (để b/c);
- TGD, PTGD;
- Chánh văn Phòng;
- Trưởng các Phòng/Ban;
- Lưu: VT, VT. M-Talent.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH 



NGUYỄN THỊ NGUYỆT HƯƠNG

161
VI
N
O
T
161



**PHỤ LỤC 01: Mẫu Hợp đồng Đào tạo áp dụng cho CBNV cấp N2
hoặc tương đương trở lên
(Đính kèm Quy chế Tổ chức hoạt động đào tạo Mã số: QC..(6.....))**

HỢP ĐỒNG ĐÀO TẠO

Số:/HĐĐT.20...

Hôm nay, ngày/...../20..., tại Trụ sở TNG Holdings, chúng tôi gồm:

BÊN ĐÀO TẠO: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TNG HOLDINGS VIỆT NAM

Địa chỉ : 115 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Mã số thuế : 0106684712

Điện thoại : 04.32.484.242 - Fax: 04.32.484.243

Đại diện là Ông/Bà :

Chức vụ :

(Sau đây gọi tắt là “Bên A”)

BÊN ĐƯỢC ĐÀO TẠO:

Họ và tên :Mã NV:.....

Sinh ngày :
.....

CMND số :cấp ngày:tại:
.....

Địa chỉ thường trú:

(Sau đây gọi tắt là “Bên B”)

Hai Bên thống nhất ký kết Hợp đồng Đào tạo với các điều khoản như sau:

Điều 1. Đối tượng và phạm vi của Hợp đồng

1. Hợp đồng này quy định và điều chỉnh các vấn đề liên quan tới hoạt động đào tạo, quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ của các Bên khi Bên B tham gia các khóa đào tạo do Bên A tổ chức và/hoặc do Bên A thanh toán chi phí đào tạo (gọi chung là các khóa đào tạo của Bên A).
2. Bên B theo Hợp đồng này là Người lao động đang công tác tại Bên A và giữ cấp bậc từ N2 trở lên theo Hệ thống chức danh công việc và cấp bậc cán bộ của Bên A.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Chi phí đào tạo: Là toàn bộ chi phí thực tế mà Bên A phải chi trả cho Bên B khi Bên B tham gia các khóa đào tạo của Bên A.
2. Mức cam kết bồi hoàn: Là mức chi phí mà Bên B phải cam kết bồi hoàn cho Bên A trong trường hợp Bên B vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 8 của Hợp đồng này. Mức cam kết bồi hoàn là cơ sở để xác định Thời gian cam kết làm việc sau đào tạo của Bên B.
3. Chi phí bồi hoàn: Là chi phí thực tế mà Bên B phải bồi hoàn cho Bên A khi Bên B

vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 8 của Hợp đồng này.

4. Thâm niên công tác: Là số năm làm việc liên tục không gián đoạn của Bên B tại Bên A tính đến thời điểm tham gia đào tạo.
5. Cấp bậc cán bộ quy định tại Hợp đồng này là cấp bậc cán bộ của Bên B tại thời điểm bắt đầu tham gia các khóa đào tạo của Bên A.
6. Lí do chính đáng quy định tại Khoản 5 Điều 11 của Hợp đồng này bao gồm các trường hợp:
 - a) Thời gian đào tạo trùng với thời gian Bên B nghỉ việc riêng theo quy định tại Nội quy Lao động;
 - b) Thiên tai, hoả hoạn có xác nhận của Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi xảy ra sự việc;
 - c) Bản thân Bên B bị ốm đau, tai nạn có xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền;
 - d) Thân nhân Bên B bị ốm đau, tai nạn trong trường hợp cấp cứu, bệnh hiểm nghèo và có xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền. Thân nhân bao gồm các đối tượng được quy định trong Nội quy Lao động của Bên A.
 - e) Bên B đang trong hoàn cảnh khó khăn được Lãnh đạo quản lý trực tiếp Bên B xác nhận bao gồm các trường hợp quy định tại Nội quy Lao động của Bên A

Điều 3. Nội dung, hình thức đào tạo

1. Bên A tổ chức đào tạo hoặc thanh toán chi phí cho Bên B tham gia các khóa đào tạo, hội thảo, hội nghị, tập huấn chuyên đề, sự kiện giao lưu ở trong nước, hoặc nước ngoài để phát triển, nâng cao năng lực quản trị, nghiệp vụ chuyên sâu.
2. Các nội dung đào tạo, tập huấn bao gồm:
 - a) Đào tạo, tập huấn về Kỹ năng quản trị, điều hành;
 - b) Các sự kiện giao lưu trong nước, quốc tế, kết hợp hội thảo, hội nghị;
 - c) Các khóa/chương trình đào tạo theo đề nghị của Bên B và được Cấp có thẩm quyền của Bên A phê duyệt;
 - d) Các nội dung đào tạo khác theo kế hoạch của Bên A trong từng thời kỳ;
3. Các hình thức đào tạo bao gồm:
 - a) Đào tạo, tập huấn, hội nghị tập trung ngắn hạn, dài hạn.
 - b) Cử đi học, tham dự khóa học, hội thảo, hội nghị, sự kiện trong nước hoặc nước ngoài.
 - c) Các sự kiện giao lưu trong nước, quốc tế, kết hợp hội thảo, hội nghị.

Điều 4. Địa điểm, thời gian đào tạo

1. Địa điểm đào tạo: Tại các cơ sở đào tạo, các đơn vị thuộc Hệ thống của Bên A và/hoặc các địa điểm đào tạo bên ngoài do Bên A thuê hoặc do đối tác của Bên A tổ chức, được ghi rõ trong Thông báo đào tạo, Quyết định cử đi đào tạo, Quyết định cử đi học.. (sau đây gọi tắt là Thông báo đào tạo) gửi cho Bên B trước khi

tham gia khóa đào tạo.

2. Thời gian đào tạo: Thời gian đào tạo căn cứ theo kế hoạch đào tạo hàng quý, hàng năm hoặc phát sinh do được ghi rõ trong Thông báo đào tạo.
3. Thông báo đào tạo sẽ được gửi cho Bên B dưới hình thức văn bản trực tiếp hoặc qua thư điện tử (email).

Điều 5. Nguyên tắc xác định chi phí đào tạo

1. Chi phí đào tạo bao gồm:

- a) Chi phí liên quan trực tiếp đến khóa đào tạo bao gồm nhưng không giới hạn: chi phí cho giảng viên, tài liệu đào tạo; chi phí cho địa điểm đào tạo, chi phí cho máy móc, thiết bị phục vụ giảng dạy, vật liệu thực hành chi phí nước uống, ăn nhẹ giữa giờ của buổi đào tạo; chi phí quản lý đào tạo; chi phí xây dựng chương trình; chi phí thuê đối tác tổ chức đào tạo và các chi phí liên quan đến đào tạo khác.
- b) 40% (Bốn mươi phần trăm) tổng thu nhập, BHXH, BHYT do Bên A chi trả cho Bên B trong những ngày Bên B tham dự khóa đào tạo (vào ngày làm việc theo quy định của Bên A) căn cứ trên cấp bậc cán bộ của Bên B tại thời điểm tham gia đào tạo.
2. Trong trường hợp Bên B tham gia đào tạo ở nước ngoài hoặc ở trong nước tại các địa điểm thuộc và/hoặc ngoài hệ thống của Bên A mà làm phát sinh chi phí đi lại, lưu trú... và các chi phí liên quan khác (nếu có) thì các chi phí này sẽ được tính trong Chi phí đào tạo ngoài các chi phí được nêu ở Khoản 1 Điều này. Trường hợp Bên B tham dự đào tạo trong nước, nước ngoài và kết hợp công tác thì chi phí công tác sẽ được tách khỏi chi phí đào tạo.

3. Chứng từ chứng minh phát sinh chi phí đào tạo

Chi phí đào tạo sẽ được ghi nhận khi Bên B tham dự khóa học do Bên A tổ chức, hoặc Bên A chi trả tiền, hoặc do đối tác của Bên A mời. Chứng từ chứng minh là bất kỳ tài liệu nào thể hiện Bên B đã tham dự khóa học (bao gồm, nhưng không giới hạn: xác nhận tham dự của Bên B bằng thư điện tử (email), bằng văn bản; chữ ký trong hồ sơ khóa học; chứng từ thanh toán liên quan; Quyết định cử đi học; Tờ trình đã được phê duyệt, Bảng chấm công,...).

Điều 6. Nguyên tắc xác định Mức cam kết bồi hoàn.

1. Thâm niên công tác là yếu tố miễn, giảm một phần chi phí Bên B phải cam kết, cụ thể như sau:
 - a) Thâm niên từ 3 năm đến dưới 6 năm: Chi phí trực tiếp liên quan đến khóa đào tạo được giảm 20%.
 - b) Thâm niên từ 6 năm đến dưới 10 năm: Chi phí trực tiếp liên quan đến khóa đào tạo được giảm 30%.
 - c) Thâm niên từ 10 năm trở lên: Chi phí trực tiếp liên quan đến khóa đào tạo được giảm 50%.
2. Các trường hợp xem xét miễn, giảm chi phí đào tạo khác (nếu có) cho Bên B sẽ được quyết định bởi cấp có thẩm quyền của Bên A trong từng trường hợp cụ thể.

Điều 7. Thời gian cam kết làm việc sau đào tạo

1. Nguyên tắc xác định thời gian cam kết làm việc:

- a) Thời gian cam kết làm việc của Bên B cho Bên A được xác định dựa trên căn cứ: Mức cam kết bồi hoàn và Cấp bậc cán bộ của Bên B quy định tại Phụ lục 01 của Hợp đồng này.
- b) Nếu mức cam kết bồi hoàn thấp hơn mức tối thiểu phải cam kết đối với từng cấp bậc cán bộ trong Phụ lục 01 của Hợp đồng này thì sẽ được bảo lưu để cộng dồn. Thời gian bảo lưu để cộng dồn chi phí đối với các khoá đào tạo này tối đa trong vòng 6 tháng. Nghĩa vụ cam kết bồi hoàn sẽ phát sinh ngay khi chi phí cộng dồn đạt mức phải cam kết.
- c) Thời điểm bắt đầu tính “Thời gian làm việc theo cam kết” được xác định như sau:
 - Đối với khóa đào tạo có Mức cam kết bồi hoàn tính cho mỗi học viên trong một (1) khóa học nếu đạt mức cam kết thì thời gian làm việc theo cam kết được tính từ ngày kết thúc khóa học.
 - Đối với các khóa đào tạo được bảo lưu để cộng dồn, thời gian làm việc theo cam kết được tính từ ngày kết thúc khóa học cuối cùng mà chi phí cộng dồn đạt mức phải cam kết.

2. Thời gian cam kết làm việc

- a) Bên B cam kết làm việc cho Bên A không gián đoạn kể từ ngày kết thúc khóa đào tạo, trong khoảng thời gian được quy định tại Phụ lục 01 của Hợp đồng này dựa trên nguyên tắc được nêu tại Khoản 1, Điều này, trừ các trường hợp được miễn, giảm theo sự phê duyệt của cấp có thẩm quyền của Bên A.
- b) Đối với các khóa có chi phí cộng dồn, thời gian cam kết làm việc sẽ được tính ở mức tối thiểu theo cấp bậc tương ứng quy định tại Phụ lục 01 của Hợp đồng này.
- c) Trong trường hợp Bên B bỏ và/hoặc không hoàn thành khóa đào tạo mà được hoặc không được Cấp có thẩm quyền của Bên A chấp thuận, Bên A đồng ý rằng Bên B không phải cam kết về thời gian làm việc đối với khóa đào tạo đó do Bên B không tiếp nhận và/hoặc tiếp nhận không đầy đủ các kiến thức/kĩ năng của khóa đào tạo.

Điều 8. Bồi hoàn chi phí đào tạo

1. Bên B có trách nhiệm phải bồi hoàn chi phí đào tạo cho Bên A khi phát sinh một trong các trường hợp sau:
 - a) Bên B bỏ khóa đào tạo và/hoặc không hoàn thành khóa đào tạo, trừ trường hợp được sự đồng ý của Bên A; hoặc
 - b) Bên B tự ý nghỉ việc/bỏ việc 05 ngày cộng dồn trong 01 tháng hoặc 20 ngày cộng dồn trong 01 năm mà không có lý do chính đáng; hoặc
 - c) Bên B không đồng ý tiếp tục ký hợp đồng lao động với Bên A khi hợp đồng lao động hết hạn trước thời hạn làm việc theo cam kết tại Hợp đồng này; hoặc
 - d) Bên B đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và vi phạm thời hạn cam kết làm việc sau đào tạo quy định tại Điều 7 của Hợp đồng này; hoặc
 - e) Bên B bị chấm dứt hợp đồng lao động do bị kỷ luật sa thải; hoặc
 - f) Các trường hợp Bên B vi phạm các thỏa thuận khác (nếu có) về thời gian cam kết làm việc sau đào tạo.

2. Nguyên tắc và cách tính Chi phí bồi hoàn:

2. 1. Chi phí bồi hoàn được tính trên từng khóa đào tạo riêng biệt mà Bên B đã tham gia. Mức cam kết bồi hoàn, thời gian cam kết làm việc sau đào tạo và thời gian làm việc thực tế sau đào tạo đối với từng khóa đào tạo để xác định Chi phí bồi hoàn là hoàn toàn tách biệt.
2. 2. Đối với trường hợp quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 8 của Hợp đồng này thì Bên B có nghĩa vụ bồi hoàn ngay cho Bên A 100% Chi phí đào tạo mà Bên A đã chi trả.
2. 3. Đối với trường hợp quy định tại Điểm b, c, d, e, f Khoản 1, Điều 8 của Hợp đồng này thì Chi phí bồi hoàn được tính như sau:

- a) Nếu thời gian làm việc thực tế của Bên B chưa đủ 30% thời gian cam kết làm việc sau đào tạo cho Bên A thì Chi phí bồi hoàn tương đương 100% Mức cam kết bồi hoàn.
- b) Nếu thời gian làm việc thực tế của Bên B đã đủ 30% thời gian cam kết làm việc sau đào tạo cho Bên A thì Chi phí bồi hoàn được khấu hao theo thời gian làm việc thực tế và tính theo công thức sau:

$$\text{Chi phí bồi hoàn} = \frac{\text{Thời gian cam kết làm việc sau đào tạo} - \text{Thời gian làm việc thực tế sau đào tạo}}{\text{Thời gian cam kết làm việc}} \times \text{Mức cam kết bồi hoàn}$$

- c) Đối với các khóa đào tạo có chi phí cộng dồn, Chi phí bồi hoàn được xác định theo quy định tại Điểm b Khoản 2.3 Điều này.
 - d) Trong trường hợp Bên B tham gia các khóa đào tạo của Bên A và được Bên A yêu cầu sử dụng kiến thức từ các khóa đào tạo để đào tạo lại cho cán bộ, nhân viên của Bên A (căn cứ trên khoá đào tạo thực tế được Bên A phê duyệt tổ chức và Bên B có trực tiếp thực hiện giảng dạy), Bên A sẽ ưu đãi Chi phí bồi hoàn cho Bên B theo nguyên tắc: Bên B xây dựng nội dung chương trình giảng dạy theo khóa đào tạo nào để đào tạo lại một hay nhiều khoá trong nội bộ của Bên A sẽ được giảm trừ 20% Chi phí bồi hoàn đã xác định tại Điểm a, b, c Khoản 2.3 Điều này.
3. Bên B đồng ý cho Bên A toàn quyền trích thu từ tài khoản của Bên B để thu hồi, khấu trừ Chi phí bồi hoàn từ tất cả nguồn sau đây:
 - a) Các khoản thu nhập từ tiền lương và các khoản tiền khác do Bên A chi trả, thanh toán cho Bên B;
 - b) Các khoản tiền trong tài khoản lương của Bên B.
 - c) Các khoản tiền trong tài khoản tiền gửi thanh toán, tài khoản tiền gửi tiết kiệm của Bên B mở tại các Tổ chức tín dụng (nếu có).
 4. Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B về Chi phí bồi hoàn mà Bên B phải chịu và có quyền tự động trích thu từ các nguồn của Bên B được quy định tại Khoản 3 của Điều này.
 5. Trường hợp các nguồn tài chính của Bên B quy định tại Khoản 3 Điều này không đủ để thanh toán Chi phí bồi hoàn cho Bên A và/hoặc Bên A không thực hiện trích thu được từ các nguồn này, Bên B có trách nhiệm bồi hoàn trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu bồi hoàn từ Bên A.

Điều 9. Chấm dứt Hợp đồng Đào tạo

Hợp đồng Đào tạo chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hợp đồng Lao động giữa Bên A và Bên B đã chấm dứt hiệu lực đồng thời Bên B đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ Hợp đồng Đào tạo cho Bên A.
2. Bên A đơn phương chấm dứt Hợp đồng Lao động với Bên B, trừ trường hợp Hợp đồng Lao động giữa hai Bên chấm dứt do Bên B bị kỷ luật sa thải.
3. Hai bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng này.
4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

1. Tổ chức việc đào tạo, tập huấn, huấn luyện về kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho Bên B theo kế hoạch hàng năm hoặc phát sinh.
2. Yêu cầu Bên B thực hiện đào tạo lại cho cán bộ nhân viên của Bên A sau khi hoàn thành khóa đào tạo.
3. Chi trả toàn bộ chi phí đào tạo cho Bên B theo quy định của Hợp đồng này với điều kiện Bên B tuân thủ các điều khoản thỏa thuận trong Hợp đồng này và thực hiện đào tạo lại theo yêu cầu của Bên A (nếu có).
4. Yêu cầu Bên B bồi hoàn chi phí đào tạo; thực hiện các biện pháp thu hồi chi phí đào tạo.
5. Tôn trọng và tuyệt đối tuân thủ theo đúng những cam kết được quy định tại bản Hợp đồng này.
6. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

1. Được tham gia đào tạo, tập huấn, huấn luyện về kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ theo kế hoạch hàng năm hoặc phát sinh.
2. Nghiêm chỉnh chấp hành Nội quy lao động, Nội quy lớp học và các văn bản nội bộ liên quan đến nghiệp vụ, đào tạo của Bên A.
3. Được Bên A hỗ trợ chi phí đào tạo với điều kiện tuân thủ và thực hiện đúng, đầy đủ các nghĩa vụ, trách nhiệm được thỏa thuận tại Hợp đồng này.
4. Có nghĩa vụ tham gia tham gia các khóa đào tạo do Bên A tổ chức hoặc cử đi nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cơ bản phục vụ công việc.
5. Bên B được quyền từ chối tham dự khóa đào tạo nếu có lý do chính đáng.
6. Không được đơn phương, tự ý rút ngắn hay kéo dài thời gian đào tạo;
7. Bồi hoàn chi phí đào tạo cho Bên A theo quy định của Hợp đồng này .
8. Tôn trọng và tuyệt đối tuân thủ theo đúng những cam kết được quy định tại bản Hợp đồng đào tạo này.
9. Thực hiện đào tạo lại cho Cán bộ nhân viên của Bên A sau khi kết thúc khóa đào tạo.
10. Cung cấp cho Bên A giấy chứng chỉ, chứng nhận hay giấy tờ liên quan có giá trị tương đương... (nếu có) của khóa học trong vòng 3 ngày kể từ ngày được cấp trừ các khóa học do bên A tổ chức. Trường hợp Bên B không cung cấp thì được coi như Bên B chưa hoàn thành khóa học và phải chịu trách nhiệm theo quy định của Hợp đồng này trừ trường hợp được sự chấp thuận của Bên A.

11. Chịu trách nhiệm trong việc làm hư hỏng hoặc mất mát dụng cụ, thiết bị và các tài sản khác tại nơi đào tạo.

12. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 12. Thỏa thuận các thay đổi trong quá trình thực hiện Hợp đồng

1. Bên B hiểu rõ và chấp thuận việc có thể có sự thay đổi một số nội dung Hợp đồng Đào tạo cho phù hợp với cơ cấu tổ chức bộ máy, tình hình hoạt động kinh doanh của Bên A trong từng thời kỳ, bao gồm nhưng không giới hạn các thay đổi sau:
 - a) Tỷ lệ % tổng thu nhập, BHXH, BHYT để tính Chi phí đào tạo theo Mục 1.2 Khoản 1 Điều 5 Hợp đồng này, nhưng tối đa không vượt quá mức quy định của Pháp luật;
 - b) Mức giảm trừ Chi phí đào tạo căn cứ theo thâm niên công tác ;
 - c) Mức cam kết bồi hoàn và Thời gian cam kết làm việc theo quy định tại Phụ lục 01 của Hợp đồng này.
2. Bên A sẽ có trách nhiệm thông báo công khai trên hệ thống của Bên A về các thay đổi này. Các thông báo này là một phần không tách rời của Hợp đồng Đào tạo và có giá trị thay thế các nội dung tương ứng tại Hợp đồng Đào tạo. Mọi thay đổi (nếu có) sẽ có hiệu lực tính từ khi nội dung thay đổi được công bố công khai trên hệ thống của Bên A.

Điều 13. Giá trị pháp lý của Hợp đồng trong trường hợp thay đổi cấp bậc cán bộ

1. Trong trường hợp Bên B bị giảm cấp bậc cán bộ xuống cấp N3 trở xuống theo Quyết định của Cấp có thẩm quyền của Bên A, Bên A và Bên B sẽ tiến hành ký kết Hợp đồng Đào tạo mới áp dụng cho cấp bậc cán bộ tương ứng.
2. Cho lần thay đổi cấp bậc cán bộ của Bên B nêu tại khoản 1 Điều này và các lần thay đổi cấp bậc cán bộ sau đó (nếu có), nguyên tắc áp dụng Hợp đồng Đào tạo như sau:
 - a) Hợp đồng Đào tạo được áp dụng phải tương ứng với cấp bậc cán bộ của Bên B.
 - b) Hợp đồng Đào tạo đã ký kết, trong trường hợp được áp dụng lại, sẽ tiếp tục có giá trị pháp lý mà hai Bên không cần ký kết Hợp đồng mới.
 - c) Mọi quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của hai Bên phát sinh từ các Hợp đồng Đào tạo chỉ chấm dứt khi được các bên hoàn thành và/hoặc chỉ chấm dứt khi phát sinh một trong các trường hợp chấm dứt Hợp đồng Đào tạo.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Hợp đồng này được thực hiện và bị điều chỉnh bởi Bộ luật Dân sự. Hai bên thống nhất mọi tranh chấp liên quan đến Hợp đồng này sẽ được giải quyết theo quy định của Bộ Luật Dân sự.
2. Nếu có bất kỳ quy định nào của Hợp đồng này bị vô hiệu hoặc không thể thực thi theo luật áp dụng, sẽ không làm ảnh hưởng đến hiệu lực và khả năng thực thi của các điều khoản còn lại của Hợp đồng này. Trong trường hợp đó, các bên cần thống nhất và sửa đổi lại các nội dung điều khoản này để đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật và có khả năng thực thi.
3. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu có phát sinh tranh chấp thì trước hết các bên sẽ giải quyết bằng hòa giải. Trường hợp không hòa giải được thì các bên có quyền khởi kiện tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Mọi sửa đổi, bổ sung của Hợp đồng này được lập thành văn bản đính kèm và là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng này.
5. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến thời điểm chấm dứt hiệu lực theo quy định tại Điều 9.
6. Hợp đồng này vẫn có hiệu lực trong trường hợp Bên B chưa hoàn thành thời gian cam kết làm việc cho Bên A và/hoặc chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính bồi hoàn chi phí đào tạo cho Bên A theo quy định quy định tại Điều 8 của Hợp đồng này.
7. Hợp đồng đào tạo này được lập thành 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 01 (một) bản, Bên B giữ 01 (một) bản.

BÊN A

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BÊN B

(Ký và ghi rõ họ tên)

1/27 - 2/2/2011

PHỤ LỤC 01/HĐĐT
THỜI GIAN CAM KẾT LÀM VIỆC SAU ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Hợp đồng Đào tạo số:/HĐĐT.20... ngày)

Thời gian cam kết làm việc sau đào tạo đối với từng cấp bậc cán bộ tương ứng với từng mức cam kết bồi hoàn được quy định như sau:

| Cấp bậc | Mức cam kết bồi hoàn (triệu đồng)/Học viên/khoá đào tạo và thời gian làm việc tương ứng | | | | | | | |
|----------|---|---------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|
| | < 5 | 5≤X<10 | 10≤X<20 | 20≤X<30 | 30≤ X<40 | 40≤ X<50 | 50≤ X<60 | ≥60 |
| N0-N1-N2 | | 6 tháng | 12 tháng | 15 tháng | 18 tháng | 24 tháng | 30 tháng | 36 tháng |

11/11/2021

**PHỤ LỤC 02: Mẫu Hợp đồng Đào tạo áp dụng cho CBNV cấp N3
hoặc tương đương trở xuống**

(Đính kèm Quy chế Tổ chức hoạt động đào tạo Mã số: QC.....)

HỢP ĐỒNG ĐÀO TẠO

Số:/HĐĐT.20...

Hôm nay, ngày/...../20..., tại Trụ sở TNG Holdings, chúng tôi gồm:

BÊN ĐÀO TẠO: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TNG HOLDINGS VIỆT NAM

Địa chỉ : 115 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Mã số thuế : 0106684712

Điện thoại : 04.32.484.242 - Fax: 04.32.484.243

Đại diện là Ông/Bà :

Chức vụ :

(Sau đây gọi tắt là “Bên A”)

BÊN ĐƯỢC ĐÀO TẠO:

Họ và tên :Mã NV:.....

Sinh ngày :

CMND số :cấp ngày:tại:

Địa chỉ thường trú:

(Sau đây gọi tắt là “Bên B”)

Hai Bên thống nhất ký kết Hợp đồng Đào tạo với các điều khoản như sau:

Điều 1. Đối tượng và phạm vi của Hợp đồng

1. Hợp đồng này quy định và điều chỉnh các vấn đề liên quan tới hoạt động đào tạo, quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ của các Bên khi Bên B tham gia các khóa đào tạo do Bên A tổ chức và/hoặc do Bên A thanh toán chi phí đào tạo (gọi chung là các khóa đào tạo của Bên A).
2. Bên B theo Hợp đồng này là Người lao động đang công tác tại Bên A và giữ cấp bậc từ N3 trở xuống theo Hệ thống chức danh công việc và cấp bậc cán bộ của Bên A.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Chi phí đào tạo: Là toàn bộ chi phí thực tế mà Bên A phải chi trả cho Bên B khi Bên B tham gia các khóa đào tạo của Bên A.
2. Mức cam kết bồi hoàn: Là mức chi phí mà Bên B phải cam kết bồi hoàn cho Bên A trong trường hợp Bên B vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 8 của Hợp đồng này. Mức cam kết bồi hoàn là cơ sở để xác định Thời gian cam kết làm việc sau đào tạo của Bên B.
3. Chi phí bồi hoàn: Là chi phí thực tế mà Bên B phải bồi hoàn cho Bên A khi Bên B vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 8 của Hợp đồng này.
4. Thâm niên công tác: Là số năm làm việc liên tục không gián đoạn của Bên B tại

10107HHTM

Bên A tính đến thời điểm tham gia đào tạo.

5. Cấp bậc cán bộ quy định tại Hợp đồng này là cấp bậc cán bộ của Bên B tại thời điểm bắt đầu tham gia các khóa đào tạo của Bên A.
6. Lí do chính đáng quy định tại Khoản 5 Điều 11 của Hợp đồng này bao gồm các trường hợp:
 - a) Thời gian đào tạo trùng với thời gian Bên B nghỉ việc riêng theo quy định tại Nội quy Lao động;
 - b) Thiên tai, hoả hoạn có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi xảy ra sự việc;
 - c) Bản thân Bên B bị ốm đau, tai nạn có xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền;
 - d) Thân nhân Bên B bị ốm đau, tai nạn trong trường hợp cấp cứu, bệnh hiểm nghèo và có xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền. Thân nhân bao gồm các đối tượng được quy định trong Nội quy Lao động của Bên A.
 - e) Bên B đang trong hoàn cảnh khó khăn được Lãnh đạo quản lý trực tiếp Bên B xác nhận bao gồm các trường hợp quy định tại Nội quy Lao động của Bên A.

Điều 3. Nội dung, hình thức đào tạo

1. Bên A đào tạo kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho Bên B (theo chức danh công việc Bên B đảm nhận) theo hình thức dạy nghiệp vụ, huấn luyện kỹ năng, kết hợp với kèm cặp thực hành và thực tập tại đơn vị hoặc cử đi tham dự khóa đào tạo bên ngoài.
2. Các nội dung đào tạo bao gồm:
 - a) Đào tạo hội nhập và định hướng;
 - b) Đào tạo kiến thức về sản phẩm, dịch vụ (cơ bản, nâng cao);
 - c) Đào tạo kỹ năng (cơ bản, nâng cao), kỹ năng quản trị (cấp cơ sở, cấp trung, cấp cao);
 - d) Đào tạo nghiệp vụ tập trung (cơ bản, nâng cao, chuyên sâu);
 - e) Các nội dung đào tạo khác theo kế hoạch của Bên A theo từng thời kỳ;
3. Các hình thức đào tạo bao gồm:
 - a) Đào tạo tập trung;
 - b) Đào tạo qua hệ thống elearning;
 - c) Cử đi học, tham dự khóa học, hội thảo trong nước;
 - d) Cử đi học, tham dự khóa học, hội thảo tại nước ngoài;
 - e) Đào tạo OJT (kèm cặp thực hành, huấn luyện trong công việc, tham gia các dự án);
 - f) Các hình thức đào tạo khác.

Điều 4. Địa điểm, thời gian đào tạo

1. Địa điểm đào tạo: Tại các cơ sở đào tạo, các đơn vị thuộc Hệ thống của Bên A và/hoặc các địa điểm đào tạo bên ngoài do Bên A thuê hoặc do đối tác của Bên A tổ chức, được ghi rõ trong Thông báo đào tạo, Quyết định cử đi đào tạo, Quyết định cử đi học...(sau đây gọi tắt là Thông báo đào tạo) gửi cho Bên B trước khi tham gia khóa đào tạo.

2. Thời gian đào tạo: Thời gian đào tạo căn cứ theo kế hoạch đào tạo hàng quý, hàng năm hoặc phát sinh do được ghi rõ trong Thông báo đào tạo.
3. Thông báo đào tạo sẽ được gửi cho Bên B dưới hình thức văn bản trực tiếp hoặc qua thư điện tử (email).

Điều 5. Nguyên tắc xác định chi phí đào tạo

1. Chi phí đào tạo bao gồm:
 - 1.1 Chi phí liên quan trực tiếp đến khóa đào tạo bao gồm nhưng không giới hạn: chi phí cho giảng viên, tài liệu đào tạo; chi phí cho địa điểm đào tạo, chi phí cho máy móc, thiết bị phục vụ giảng dạy, vật liệu thực hành chi phí nước uống, ăn nhẹ giữa giờ của buổi đào tạo; chi phí quản lý đào tạo; chi phí xây dựng chương trình; chi phí thuê đối tác tổ chức đào tạo và các chi phí liên quan đến đào tạo khác.
 - 1.2 Một phần tổng thu nhập, BHXH, BHYT do Bên A chi trả cho Bên B trong những ngày Bên B tham dự khóa đào tạo (vào ngày làm việc theo quy định của Bên A) căn cứ trên cấp bậc cán bộ của Bên B tại thời điểm tham gia đào tạo, cụ thể:
 - a) Đối với cấp bậc N3, N4: 50% tổng thu nhập, BHXH, BHYT
 - b) Đối với cấp bậc N5, N6: 60% tổng thu nhập, BHXH, BHYT
 - c) Đối với cấp bậc từ N7 trở xuống: 70% tổng thu nhập, BHXH, BHYT
2. Trong trường hợp Bên B tham gia đào tạo ở nước ngoài hoặc ở trong nước tại các địa điểm thuộc và/hoặc ngoài hệ thống của Bên A mà làm phát sinh chi phí đi lại, lưu trú... và các chi phí liên quan khác (nếu có) thì các chi phí này sẽ được tính trong Chi phí đào tạo ngoài các chi phí được nêu ở Khoản 1 Điều này. Trường hợp Bên B tham dự đào tạo trong nước, nước ngoài và kết hợp công tác thì chi phí công tác sẽ được tách khỏi chi phí đào tạo.
3. Chứng từ chứng minh phát sinh chi phí đào tạo
Chi phí đào tạo sẽ được ghi nhận khi Bên B tham dự khóa học do Bên A tổ chức, hoặc Bên A chi trả tiền, hoặc do đối tác của Bên A mời. Chứng từ chứng minh là bất kỳ tài liệu nào thể hiện Bên B đã tham dự khóa học (bao gồm, nhưng không giới hạn: xác nhận tham dự của Bên B bằng thư điện tử (email), bằng văn bản; chữ ký trong hồ sơ khóa học; chứng từ thanh toán liên quan; Quyết định cử đi học; Tờ trình đã được phê duyệt, Bảng chấm công,...).

Điều 6. Nguyên tắc xác định Mức cam kết bồi hoàn.

1. Chi phí đào tạo Hội nhập và Định hướng, chi phí đào tạo do thay đổi cơ cấu và công nghệ mà ảnh hưởng đến việc làm của Bên B theo quy định của pháp luật sẽ do Bên A tài trợ toàn bộ. Bên B không phải cam kết bồi hoàn chi phí đối với các khóa đào tạo này.
2. Đối với các khóa đào tạo kiến thức cơ bản về sản phẩm dịch vụ, đào tạo nghiệp vụ cơ bản phục vụ công việc, Mức cam kết bồi hoàn được tính bằng 50% Chi phí đào tạo của khóa học đó;
3. Đối với tất cả các khóa đào tạo (bao gồm các khóa đào tạo kiến thức cơ bản về sản phẩm dịch vụ, đào tạo nghiệp vụ cơ bản phục vụ công việc quy định tại Khoản 2 Điều này), thâm niên công tác là yếu tố miễn giảm một phần chi phí Bên B phải cam kết, cụ thể như sau:

- a) Thâm niên từ 3 năm đến dưới 6 năm: Chi phí trực tiếp liên quan đến khóa đào tạo được giảm 20%.
 - b) Thâm niên từ 6 năm đến dưới 10 năm: Chi phí trực tiếp liên quan đến khóa đào tạo được giảm 30%.
 - c) Thâm niên từ 10 năm trở lên: Chi phí trực tiếp liên quan đến khóa đào tạo được giảm 50%.
4. Các trường hợp xem xét miễn, giảm chi phí đào tạo khác (nếu có) cho Bên B sẽ được quyết định bởi cấp có thẩm quyền của Bên A trong từng trường hợp cụ thể.

Điều 7. Thời gian cam kết làm việc sau đào tạo

1. Nguyên tắc xác định thời gian cam kết làm việc:

- a) Thời gian cam kết làm việc của Bên B cho Bên A được xác định dựa trên: Mức cam kết bồi hoàn và Cấp bậc cán bộ của Bên B quy định cụ thể tại Phụ lục 01 của Hợp đồng này.
- b) Nếu Mức cam kết bồi hoàn thấp hơn mức tối thiểu phải cam kết đối với từng cấp bậc cán bộ trong Phụ lục 01 của Hợp đồng này thì sẽ được bảo lưu để cộng dồn. Thời gian bảo lưu để cộng dồn chi phí đối với các khóa đào tạo này tối đa trong vòng 6 tháng. Nghĩa vụ cam kết bồi hoàn sẽ phát sinh ngay khi chi phí cộng dồn đạt mức phải cam kết.
- c) Thời điểm bắt đầu tính “Thời gian làm việc theo cam kết” được xác định như sau:
 - Đối với khóa đào tạo có Mức cam kết bồi hoàn tính cho mỗi học viên trong một (1) khóa học nếu đạt mức cam kết thì thời gian làm việc theo cam kết được tính từ ngày kết thúc khóa học đó.
 - Đối với các khóa đào tạo được bảo lưu để cộng dồn, thời gian làm việc theo cam kết được tính từ ngày kết thúc khóa học cuối cùng mà chi phí cộng dồn đạt mức phải cam kết.

2. Thời gian cam kết làm việc

- a) Bên B cam kết làm việc cho Bên A không gián đoạn kể từ ngày kết thúc khóa đào tạo, trong khoảng thời gian được quy định tại Phụ lục 01 của Hợp đồng này dựa trên nguyên tắc được nêu tại Khoản 1, Điều này, trừ các trường hợp được miễn, giảm theo sự phê duyệt của cấp có thẩm quyền của Bên A.
- b) Đối với các khóa có chi phí cộng dồn, thời gian cam kết làm việc sẽ được tính ở mức tối thiểu theo cấp bậc tương ứng quy định tại Phụ lục 01 của Hợp đồng này.
- c) Trong trường hợp Bên B bỏ và/hoặc không hoàn thành khóa đào tạo mà được hoặc không được Cấp có thẩm quyền của Bên A chấp thuận, Bên A đồng ý rằng Bên B không phải cam kết về thời gian làm việc đối với khóa đào tạo đó do Bên B không tiếp nhận và/hoặc tiếp nhận không đầy đủ các kiến thức/kĩ năng của khóa đào tạo.

Điều 8. Bồi hoàn chi phí đào tạo

1. Bên B có trách nhiệm phải bồi hoàn chi phí đào tạo cho Bên A khi phát sinh một trong các trường hợp sau:
 - a) Bên B bỏ khóa đào tạo và/hoặc không hoàn thành khóa đào tạo, trừ trường hợp được sự đồng ý của Bên A; hoặc
 - b) Bên B tự ý nghỉ việc/bỏ việc 05 ngày cộng dồn trong 01 tháng hoặc 20 ngày

cộng dồn trong 01 năm mà không có lý do chính đáng; hoặc

- c) Bên B không đồng ý tiếp tục ký hợp đồng lao động với Bên A khi hợp đồng lao động hết hạn trước thời hạn làm việc theo cam kết tại Hợp đồng này; hoặc
- d) Bên B đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và vi phạm thời hạn cam kết làm việc sau đào tạo quy định tại Điều 7 của Hợp đồng này; hoặc
- e) Bên B bị chấm dứt hợp đồng lao động do bị kỷ luật sa thải; hoặc
- f) Các trường hợp Bên B vi phạm các thỏa thuận khác (nếu có) về thời gian cam kết làm việc sau đào tạo.

2. Nguyên tắc và cách tính Chi phí bồi hoàn:

2.1. Chi phí bồi hoàn được tính trên từng khóa đào tạo riêng biệt mà Bên B đã tham gia. Mức cam kết bồi hoàn, thời gian cam kết làm việc sau đào tạo và thời gian làm việc thực tế sau đào tạo đối với từng khóa đào tạo để xác định Chi phí bồi hoàn là hoàn toàn tách biệt.

2.2. Đối với trường hợp quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 8 của Hợp đồng này: Bên B có nghĩa vụ bồi hoàn ngay cho Bên A 100% Chi phí đào tạo mà Bên A đã chi trả.

2.3. Đối với trường hợp quy định tại Điểm b, c, d, e, f Khoản 1, Điều 8 của Hợp đồng này thì Chi phí bồi hoàn được tính như sau:

- a) Nếu thời gian làm việc thực tế của Bên B chưa đủ 30% thời gian cam kết làm việc sau đào tạo cho Bên A thì Chi phí bồi hoàn tương đương 100% Mức cam kết bồi hoàn.
- b) Nếu thời gian làm việc thực tế của Bên B đã đủ 30% thời gian cam kết làm việc sau đào tạo cho Bên A thì Chi phí bồi hoàn được khấu hao theo thời gian làm việc thực tế và được tính theo công thức sau:

$$\text{Chi phí bồi hoàn} = \frac{\text{Thời gian cam kết làm việc sau đào tạo} - \text{Thời gian làm việc thực tế sau đào tạo}}{\text{Thời gian cam kết làm việc}} \times \text{Mức cam kết bồi hoàn}$$

c) Đối với các khóa đào tạo có chi phí cộng dồn, Chi phí bồi hoàn được xác định theo quy định tại Điểm b Khoản 2.3 Điều này.

d) Trong trường hợp Bên B tham gia các khóa đào tạo của Bên A và được Bên A yêu cầu sử dụng kiến thức từ các khóa đào tạo để đào tạo lại cho cán bộ, nhân viên của Bên A (căn cứ trên khoá đào tạo thực tế được bên A phê duyệt tổ chức và Bên B có trực tiếp thực hiện giảng dạy), Bên A sẽ ưu đãi Chi phí bồi hoàn cho Bên B theo nguyên tắc: Bên B xây dựng nội dung chương trình giảng dạy theo khóa đào tạo nào để đào tạo lại một hay nhiều khoá trong nội bộ của Bên A sẽ được giảm trừ 20% Chi phí bồi hoàn đã xác định tại Điểm a, b, c Khoản 2.3 Điều này.

3. Bên B đồng ý cho Bên A toàn quyền trích thu từ tài khoản của Bên B để thu hồi, khấu trừ Chi phí bồi hoàn từ tất cả nguồn sau đây:

- a) Các khoản thu nhập từ tiền lương và các khoản tiền khác do Bên A chi trả, thanh toán cho Bên B;

- b) Các khoản tiền trong tài khoản lương của Bên B.
- c) Các khoản tiền trong tài khoản tiền gửi thanh toán, tài khoản tiền gửi tiết kiệm của Bên B mở tại các Tổ chức tín dụng (nếu có).
4. Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B về Chi phí bồi hoàn mà Bên B phải chịu và có quyền tự động trích thu từ các nguồn của Bên B được quy định tại Khoản 3 của Điều này.
5. Trường hợp các nguồn tài chính của Bên B quy định tại Khoản 3 Điều này không đủ để thanh toán Chi phí bồi hoàn cho Bên A và/hoặc Bên A không thực hiện trích thu được từ các nguồn này, Bên B có trách nhiệm bồi hoàn trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu bồi hoàn từ Bên A.

Điều 9. Chấm dứt Hợp đồng Đào tạo

Hợp đồng Đào tạo chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hợp đồng Lao động giữa Bên A và Bên B đã chấm dứt hiệu lực đồng thời Bên B đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ Hợp đồng Đào tạo cho Bên A.
2. Bên A đơn phương chấm dứt Hợp đồng Lao động với Bên B, trừ trường hợp Hợp đồng Lao động giữa hai Bên chấm dứt do Bên B bị kỷ luật sa thải.
3. Hai bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng Đào tạo này.
4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

1. Tổ chức việc đào tạo, tập huấn, huấn luyện về kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho Bên B theo kế hoạch hàng năm hoặc phát sinh.
2. Yêu cầu Bên B thực hiện đào tạo lại cho cán bộ nhân viên của Bên A sau khi hoàn thành khóa đào tạo.
3. Yêu cầu Bên B phải tham gia các khoá đào tạo bắt buộc nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cơ bản phục vụ công việc
4. Chi trả toàn bộ chi phí đào tạo cho Bên B theo quy định của Hợp đồng này với điều kiện Bên B tuân thủ các điều khoản thỏa thuận trong Hợp đồng này và thực hiện đào tạo lại theo yêu cầu của Bên A (nếu có).
5. Yêu cầu Bên B bồi hoàn chi phí đào tạo; thực hiện các biện pháp thu hồi chi phí đào tạo.
6. Tôn trọng và tuyệt đối tuân thủ theo đúng những cam kết được quy định tại bản Hợp đồng này.
7. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

1. Được tham gia đào tạo, tập huấn, huấn luyện về kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ theo kế hoạch hàng năm hoặc phát sinh.
2. Nghiêm chỉnh chấp hành Nội quy lao động, Nội quy lớp học và các văn bản nội bộ liên quan đến nghiệp vụ, đào tạo của Bên A.
3. Được Bên A hỗ trợ chi phí đào tạo với điều kiện tuân thủ và thực hiện đúng, đầy đủ các nghĩa vụ, trách nhiệm được thỏa thuận tại Hợp đồng này.
4. Có nghĩa vụ tham gia tham gia các khoá đào tạo do Bên A tổ chức hoặc cử đi nhằm

trang bị kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cơ bản phục vụ công việc.

5. Bên B được quyền từ chối tham gia khóa đào tạo (trừ các khóa đào tạo bắt buộc) nếu có lý do chính đáng.
6. Không được đơn phương, tự ý rút ngắn hay kéo dài thời gian đào tạo;
7. Bồi hoàn chi phí đào tạo cho Bên A theo quy định của Hợp đồng này .
8. Tôn trọng và tuyệt đối tuân thủ theo đúng những cam kết được quy định tại bản Hợp đồng đào tạo này.
9. Thực hiện đào tạo lại cho Cán bộ nhân viên của Bên A sau khi kết thúc khóa đào tạo.
10. Cung cấp cho Bên A giấy chứng chỉ, chứng nhận hay giấy tờ liên quan có giá trị tương đương ... (nếu có) của khóa học trong vòng 3 ngày kể từ ngày được cấp trừ các khóa học do bên A tổ chức. Trường hợp Bên B không cung cấp thì được coi như Bên B chưa hoàn thành khóa học và phải chịu trách nhiệm theo quy định của Hợp đồng này trừ trường hợp được sự chấp thuận của Bên A.
11. Chịu trách nhiệm trong việc làm hư hỏng hoặc mất mát dụng cụ, thiết bị và các tài sản khác tại nơi đào tạo.
12. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 12. Thỏa thuận các thay đổi trong quá trình thực hiện Hợp đồng

1. Bên B hiểu rõ và chấp thuận việc có thể có sự thay đổi một hoặc một số nội dung của Hợp đồng Đào tạo cho phù hợp với cơ cấu tổ chức bộ máy, tình hình hoạt động kinh doanh của Bên A trong từng thời kỳ, bao gồm nhưng không giới hạn các thay đổi sau:
 - a) Tỷ lệ % tổng thu nhập, BHXH, BHYT để tính Chi phí đào tạo theo Mục 1.2 Khoản 1 Điều 5 Hợp đồng này, nhưng tối đa không vượt quá mức quy định của Pháp luật;
 - b) Mức giảm trừ Chi phí đào tạo căn cứ theo thâm niên công tác ;
 - c) Mức cam kết bồi hoàn và Thời gian cam kết làm việc theo quy định tại Phụ lục 01 của Hợp đồng này.
2. Bên A có trách nhiệm thông báo công khai trên hệ thống của Bên A về các thay đổi này. Các thông báo này là một phần không tách rời của Hợp đồng Đào tạo và có giá trị thay thế các nội dung tương ứng tại Hợp đồng này. Mọi thay đổi (nếu có) sẽ có hiệu lực tính từ khi nội dung thay đổi được công bố công khai trên hệ thống của Bên A.

Điều 13. Giá trị pháp lý của Hợp đồng trong trường hợp thay đổi cấp bậc cán bộ

1. Trong trường hợp Bên B được thăng cấp bậc cán bộ lên Cấp N2 trở lên theo Quyết định của Cấp có thẩm quyền của Bên A, Bên A và Bên B sẽ tiến hành ký kết Hợp đồng Đào tạo mới áp dụng cho cấp bậc cán bộ tương ứng.
2. Cho lần thay đổi cấp bậc cán bộ của Bên B nêu tại khoản 1 Điều này và các lần thay đổi cấp bậc cán bộ sau đó (nếu có), nguyên tắc áp dụng Hợp đồng Đào tạo như sau:
 - a) Hợp đồng Đào tạo được áp dụng phải tương ứng với cấp bậc cán bộ của Bên B.
 - b) Hợp đồng Đào tạo đã ký kết, trong trường hợp được áp dụng lại, sẽ tiếp tục có giá trị pháp lý mà hai Bên không cần ký kết Hợp đồng mới.

- c) Mọi quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của hai Bên phát sinh từ các Hợp đồng Đào tạo chỉ chấm dứt khi được các bên hoàn thành và/hoặc chỉ chấm dứt một trong các trường hợp chấm dứt Hợp đồng Đào tạo.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Hợp đồng này được thực hiện và bị điều chỉnh bởi Bộ luật Dân sự. Hai bên thống nhất mọi tranh chấp liên quan đến Hợp đồng này sẽ được giải quyết theo quy định của Bộ Luật Dân sự.
2. Nếu có bất kỳ quy định nào của Hợp đồng này bị vô hiệu hoặc không thể thực thi theo luật áp dụng, sẽ không làm ảnh hưởng đến hiệu lực và khả năng thực thi của các điều khoản còn lại của Hợp đồng này. Trong trường hợp đó, các bên cần thống nhất và sửa đổi lại các nội dung điều khoản này để đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật và có khả năng thực thi.
3. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu có phát sinh tranh chấp thì trước hết các bên sẽ giải quyết bằng hòa giải. Trường hợp không hòa giải được thì các bên có quyền khởi kiện tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
4. Mọi sửa đổi, bổ sung của Hợp đồng này được lập thành văn bản đính kèm và là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng này.
5. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến thời điểm chấm dứt hiệu lực theo quy định tại Điều 9.
6. Hợp đồng này vẫn có hiệu lực trong trường hợp Bên B chưa hoàn thành thời gian cam kết làm việc cho Bên A và/hoặc chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính bồi hoàn chi phí đào tạo cho Bên A theo quy định tại Điều 8 của Hợp đồng này.
7. Hợp đồng đào tạo này được lập thành 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 01 (một) bản, Bên B giữ 01 (một) bản.

BÊN A

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BÊN B

(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC 01/HĐĐT

THỜI GIAN CAM KẾT LÀM VIỆC SAU ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Hợp đồng Đào tạo số:/HĐĐT.20... ngày)

Thời gian cam kết làm việc sau đào tạo đối với từng cấp bậc cán bộ tương ứng với từng mức cam kết bồi hoàn được quy định như sau:

| Cấp bậc | Mức cam kết bồi hoàn (triệu đồng)/Học viên/khoá đào tạo và thời gian làm việc tương ứng | | | | | | | |
|---------|---|---------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|
| | <4 | 4≤X<6 | 6≤X<10 | 10≤X<15 | 15≤X<20 | 20≤X<25 | 25≤X<30 | ≥30 |
| N3 - N4 | | 6 tháng | 12 tháng | 15 tháng | 18 tháng | 24 tháng | 30 tháng | 36 tháng |

| Cấp bậc | Mức cam kết bồi hoàn chi phí đào tạo (triệu đồng)/Học viên/khoá đào tạo và thời gian làm việc tương ứng | | | | | | | |
|---------|---|---------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|
| | <3 | 3≤X<5 | 5≤X<8 | 8≤X<12 | 12≤X<15 | 15≤X<20 | 20≤X<25 | ≥25 |
| N5 - N6 | | 6 tháng | 12 tháng | 15 tháng | 18 tháng | 24 tháng | 30 tháng | 36 tháng |

| Cấp bậc | Mức cam kết bồi hoàn chi phí đào tạo (triệu đồng)/Học viên/khoá đào tạo và thời gian làm việc tương ứng | | | | | | | |
|---------|---|---------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|
| | <2 | 2≤ X<4 | 4≤ X< 7 | 7≤ X<10 | 10≤X<13 | 13≤X<16 | 16≤X<20 | ≥20 |
| N7 - N8 | | 6 tháng | 12 tháng | 15 tháng | 18 tháng | 24 tháng | 30 tháng | 36 tháng |

| Cấp bậc | Mức cam kết bồi hoàn chi phí đào tạo (triệu đồng)/Học viên/khoá đào tạo và thời gian làm việc tương ứng | | | | | | | |
|----------|---|---------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|
| | <1 | 1≤ X<3 | 3≤ X< 5 | 5≤ X<7 | 7≤ X<9 | 9≤X<11 | 11≤X<15 | ≥15 |
| N9 - N10 | | 6 tháng | 12 tháng | 15 tháng | 18 tháng | 24 tháng | 30 tháng | 36 tháng |